

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG

**ĐƯƠNG SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA  
BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM NĂM 2004**

*Chuyên ngành:* Luật dân sự

*Mã số:* 60 38 30

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS Lê Thu Hà***

***Phản biện 1:.....***

***Phản biện 2:.....***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

***Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 20....***

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC

Trang

Trang bìa phụ

Lời cam đoan

Mục lục

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
4. Tính mới và những đóng góp của đề tài .....	4
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	5
6. Phương pháp nghiên cứu .....	5
7. Kết cấu của luận văn.....	6
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐƯƠNG SỰ</b>	
<b>TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ</b> .....	7
<b>1.1. Đương sự trong vụ án dân sự</b> .....	7
1.1.1. Khái niệm đương sự trong vụ án dân sự.....	7
1.1.2. Địa vị pháp lý của đương sự trong vụ án dân sự .....	10
1.1.3. Cơ sở khoa học của việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự .....	14
<b>1.2. Đương sự trong việc dân sự</b> .....	15
1.2.1. Khái niệm đương sự trong việc dân sự.....	15
1.2.2. Địa vị pháp lý của đương sự trong việc dân sự .....	17
1.2.3. Cơ sở khoa học của việc xác định tư cách đương sự trong việc dân sự.....	19

<b>1.3.</b>	Lược sử quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về đương sự .....	19
1.3.1.	Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989.....	20
1.3.2.	Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2004.....	20
1.3.3.	Giai đoạn từ năm 2004 đến nay.....	22
	Tóm tắt Chương 1.....	23
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐƯƠNG SỰ</b>		
	<b>TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ</b> .....	24
<b>2.1.</b>	Năng lực chủ thể của đương sự trong tố tụng dân sự theo pháp luật hiện hành.....	24
2.1.1.	Năng lực pháp luật tố tụng dân sự của đương sự .....	24
2.1.2.	Năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự .....	25
<b>2.2.</b>	Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự.....	33
2.2.1.	Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trong vụ án dân sự .....	33
2.2.2.	Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án dân sự .....	49
2.2.3.	Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự.....	57
2.2.4.	Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong việc dân sự .....	62
	<b>Tóm tắt Chương 2</b> .....	65

<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	66
<b>3.1.</b> Thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự trong tổ tụng dân sự .....	66
<b>3.2.</b> Một số kiến nghị.....	77
3.2.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về đương sự trong tổ tụng dân sự .....	77
3.2.2. Tăng cường công tác phổ biến và tuyên truyền pháp luật .....	81
3.2.3. Công tác đào tạo cán bộ.....	82
Tóm tắt Chương 3.....	82
<b>KẾT LUẬN</b> .....	84
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	85

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Đương sự trong tố tụng dân sự là chủ thể đặc biệt quan trọng, nếu thiếu những chủ thể này thì không thể phát sinh những vụ việc dân sự. Việc quy định một cách cụ thể và chi tiết về đương sự trong tố tụng dân sự đã tạo nên tảng pháp lý quan trọng góp phần vào quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

Kế thừa và chọn lọc các quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994, Pháp lệnh giải quyết các tranh chấp lao động năm 1996... thì Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã khắc phục đáng kể những hạn chế, bất cập của các quy định về đương sự trong tố tụng dân sự ở các văn bản quy phạm pháp luật trước đó. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 là một bước đột phá trong tố tụng dân sự, phát huy tác dụng trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự, bảo vệ nhanh chóng, kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả đạt được của Bộ luật tố tụng dân sự, một số quy định của Bộ luật này đã bộc lộ những điểm chưa hợp lý, trong đó có những điểm hạn chế về vấn đề đương sự. Các quy định của pháp luật về đương sự trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 còn mang tính khái quát, chưa cụ thể và chưa đầy đủ, thống nhất chẳng

hạn như chưa đưa ra được khái niệm đương sự trong việc dân sự, chưa có quy định các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc dân sự, cũng như các quy định nhằm bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó... Điều đó dẫn đến công tác áp dụng pháp luật xác định tư cách đương sự trong các vụ án dân sự đã gặp một số khó khăn, vướng mắc do nhiều nguyên nhân khác nhau, một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn lại chưa được pháp luật tố tụng dân sự điều chỉnh, nội dung đương sự trong việc dân sự vẫn chưa được pháp luật tố tụng dân sự quy định cụ thể ... Những khó khăn, vướng mắc đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi tham gia tố tụng; gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật; làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án. Bên cạnh đó còn dẫn đến việc có những bản án, quyết định của Tòa án bị tuyên hủy bởi các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm với lý do xác định không đúng tư cách đương sự vẫn xảy ra. Bản án, quyết định của Tòa án chỉ có giá trị đích thực khi đương sự phát huy được vai trò của mình, nhất là trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, đòi hỏi cần thiết nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa những quy định của pháp luật về đương sự, góp phần vào quá trình giải quyết các vụ việc dân sự của Tòa án được kịp thời, đúng đắn và khách quan. Vì thế, tác giả xin lựa

chọn đề tài “*Đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004*”.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Từ khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 có hiệu lực thi hành, đã có một số công trình nghiên cứu khoa học, bài viết liên quan đến vấn đề đương sự và việc xác định tư cách của đương sự trong tố tụng dân sự. Tuy nhiên, mỗi công trình nghiên cứu, mỗi bài viết lại nhìn nhận ở một góc độ khác nhau, mang tính riêng lẻ trong vấn đề nghiên cứu về đương sự trong tố tụng dân sự. Và để tập trung, tổng quát hơn vấn đề đương sự trong tố tụng dân sự, tác giả đã lựa chọn đề tài “*Đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004*”.

## **3. Mục tiêu nghiên cứu**

### ***3.1 Mục tiêu tổng quát***

Đề tài làm rõ những vấn đề lý luận về đương sự đương sự; phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành trong phạm vi nội dung đề tài. Qua đó, tìm hiểu thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về vấn đề đương sự và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về đề tài này.

### ***3.2. Mục tiêu cụ thể***

- Đề tài đi xây dựng, phân tích các khái niệm cơ bản như đương sự trong vụ án dân sự, đương sự trong việc dân sự và đương



sự trong tố tụng dân sự; làm rõ địa vị pháp lý của đương sự trong tố tụng dân sự, đưa ra một số vấn đề lý luận về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự, đương sự trong việc dân sự, lịch sử phát triển các quy định về đương sự trong tố tụng dân sự...

- Trên nền tảng lý luận, đề tài phân tích các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về đương sự như năng lực chủ thể của đương sự trong tố tụng dân sự; vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự; quy định liên quan đến việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự. Qua đó, đề tài chỉ ra những điểm còn hạn chế của pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự để tìm hướng hoàn thiện đương sự trong Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **4. Tính mới và những đóng góp của đề tài**

- Đề tài phân tích làm rõ một số vấn đề về mặt lý luận như xây dựng khái niệm đương sự trong vụ án dân sự, đương sự trong việc dân sự; làm rõ địa vị pháp lý của đương sự trong vụ án dân sự, cơ sở pháp lý của việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự;

- Đề tài phân tích, đánh giá những quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành về đương sự như năng lực chủ thể của đương sự trong tố tụng dân sự, vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự, quy định liên quan đến việc xác định tư cách đương sự trong tố tụng dân sự. Qua đó, đề tài chỉ ra những điểm còn

hạn chế, vướng mắc từ pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự. Những vướng mắc đó đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi tham gia tố tụng; gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật; làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

- Đề tài đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự, tháo gỡ những vướng mắc trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự về đương sự cũng như những khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự.

### **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận chung về đương sự trong tố tụng dân sự, bao gồm đương sự trong vụ án dân sự và đương sự trong việc dân sự; những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 về đương sự; thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài được thể hiện trong khuôn khổ sau:

- Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận về đương sự trong tố tụng dân sự.

- Nghiên cứu những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 về đương sự.

- Đề tài nghiên cứu một số hạn chế, vướng mắc trong quy định của pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự, những khó khăn từ thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, cũng như nâng cao hơn nữa hiệu quả của thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học khác như: phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp phân tích, chứng minh, phương pháp so sánh pháp luật hiện hành với những quy định của các văn bản pháp luật trước đây về đương sự trong tố tụng dân sự để đưa ra những kết luận về vấn đề cần nghiên cứu.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Luận văn có kết cấu nội dung gồm 3 chương:

*Chương 1.* Một số vấn đề lý luận về đương sự trong tố tụng dân sự

*Chương 2.* Thực trạng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự

*Chương 3.* Thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự và kiến nghị

## *Chương 1*

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐƯƠNG SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ**

### **1.1. Đương sự trong vụ án dân sự**

#### ***1.1.1. Khái niệm đương sự trong vụ án dân sự***

Mặc dù các văn bản pháp luật tố tụng trước năm 1989 chưa có quy định rõ về khái niệm *đương sự* nhưng thuật ngữ *đương sự* đã xuất hiện trong những văn bản pháp luật trước đây. Tại Điều 12 Sắc lệnh 85/SL ngày 22/05/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và Luật tố tụng đã đề cập đến đương sự. Sau này, các Pháp lệnh tố tụng cũng sử dụng thuật ngữ đương sự.

Có những quan điểm khác về đương sự cũng được đề cập đến tại Từ điển tiếng Việt, Từ điển Luật học. Khoản 1 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định về đương sự trong vụ án dân sự. Từ những phân tích, có thể đưa ra khái niệm đương sự trong vụ án dân sự như sau: *Đương sự trong vụ án dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách do có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dân sự. Đương sự trong vụ án dân sự bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự.*

### ***1.1.2. Địa vị pháp lý của đương sự trong vụ án dân sự***

Đương sự trong vụ án dân sự bao gồm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Thứ nhất*, đối với nguyên đơn.

Nguyên đơn là người cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm và thể hiện ý chí muốn đưa sự việc ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết bằng việc chủ thể đó gửi đơn khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, lợi ích công cộng hoặc lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc được người khác khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Toà án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

*Thứ hai*, đối với bị đơn.

Bị đơn là người được giả thiết là có tranh chấp hay vi phạm đến quyền lợi của nguyên đơn và bị nguyên đơn hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khởi kiện. Tuy nhiên, nguyên đơn trở thành bị đơn trong trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ yêu cầu phản tố – phản đối yêu cầu của nguyên đơn, lúc này bị đơn tham gia tố tụng với tư cách là chủ thể sử dụng quyền khởi kiện.

*Thứ ba*, đối với có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người tham gia tố tụng vào vụ án dân sự đã phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn để bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

### ***1.1.3. Cơ sở khoa học của việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự***

Quyền khởi kiện, đó chính là cơ sở của việc xác định tư cách đương sự trong vụ án dân sự.

## **1.2. Đương sự trong việc dân sự**

### ***1.2.1. Khái niệm đương sự trong việc dân sự***

Các văn bản pháp luật tố tụng trước đây cũng như pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành không có quy định về khái niệm đương sự trong việc dân sự. Vì vậy, từ thực tiễn xét xử còn tồn tại những quan điểm khác nhau về đương sự trong việc dân sự.

Từ những phân tích các quan điểm thì có thể đưa ra khái niệm về đương sự trong việc dân sự như sau: *Đương sự trong việc dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bảo vệ lợi ích chung của xã hội hay quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Đương sự trong việc dân sự bao gồm người yêu cầu và người có liên quan trong việc dân sự.*

Từ những phân tích về khái niệm đương sự trong vụ án dân sự và đương sự trong việc dân sự, có thể đưa ra khái niệm đương sự trong tố tụng dân sự như sau: *Đương sự trong tố tụng dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước*

*thuộc lĩnh vực mình phụ trách do có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dân sự.*

### ***1.2.2. Địa vị pháp lý của đương sự trong việc dân sự***

Danh phận tố tụng của chủ thể này vẫn chưa được rõ ràng. Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự chỉ có hai chủ thể là người yêu cầu và người có liên quan trong việc dân sự. Điều 313 không đề cập đến người bị yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự, nhưng có đề cập đến “người có liên quan”. Vậy, một câu hỏi đặt ra là người có liên quan có bao gồm người bị yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không? Hay “người có liên quan” là để chỉ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn việc dân sự không có người bị yêu cầu? Trong khi tại phần quy định về thẩm quyền của Tòa án, cụ thể ở điểm a, b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự có nhắc đến thuật ngữ “người bị yêu cầu”. Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã tạo sự không thống nhất đối với quy định về đương sự trong việc dân sự.

### ***1.2.3. Cơ sở khoa học của việc xác định tư cách đương sự trong việc dân sự***

Quyền yêu cầu chính là cơ sở của việc xác định tư cách đương sự trong việc dân sự, chủ thể thực hiện quyền yêu cầu nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

### **1.3. Lược sử quy định của pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam về đương sự**

Trong phần này, đề tài lược sử qua giai đoạn đó là:

*1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989*

*1.3.2. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2004*

*1.3.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay*

## *Chương 2*

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ**

#### **2.1. Năng lực chủ thể của đương sự trong tổ tụng dân sự theo pháp luật hiện hành**

*2.1.1. Năng lực pháp luật tổ tụng dân sự của đương sự*

*2.1.2. Năng lực hành vi tổ tụng dân sự của đương sự*

*2.1.2.1. Năng lực hành vi tổ tụng dân sự của đương sự là cá nhân*

Năng lực hành vi tổ tụng dân sự của đương sự là cá nhân được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau:

- Cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Cá nhân chưa đủ 18 tuổi.
- Cá nhân bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Cá nhân bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.



*2.1.2.2. Năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự là pháp nhân, tổ chức khác*

Năng lực hành vi tố tụng dân sự của pháp nhân, tổ chức thực chất là “vay mượn” của con người cụ thể, người đó là người đại diện hợp pháp của pháp nhân, tổ chức đó.

## **2.2. Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự**

### **2.2.1. Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trong vụ án dân sự**

#### *2.2.1.1. Vị trí tố tụng của nguyên đơn trong vụ án dân sự*

Khoản 2 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định về nguyên đơn trong vụ án dân sự. Bên cạnh đó, những quy định của pháp luật có liên quan đã thể hiện vị trí tố tụng của nguyên đơn. Qua đó, xác định được điều kiện để trở thành nguyên đơn cũng như xác định tư cách nguyên đơn trong vụ án dân sự.

#### *2.2.1.2. Quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trong vụ án dân sự*

Các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án dân sự được quy định tại các điều từ Điều 58 đến Điều 61 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và được sửa đổi, bổ sung tại các mục từ khoản 13 đến khoản 16 của Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 59 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

### ***2.2.2. Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án dân sự***

#### ***2.2.2.1. Vị trí tố tụng của bị đơn trong vụ án dân sự***

Khoản 3 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về bị đơn trong vụ án dân sự. Bên cạnh đó, những quy định của pháp luật có liên quan đã thể hiện vị trí tố tụng của bị đơn. Qua đó, xác định được điều kiện để trở thành bị đơn cũng như xác định tư cách bị đơn trong vụ án dân sự.

#### ***2.2.2.2. Quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án dân sự***

Điều 60 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011 đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004. Bên cạnh những quyền và nghĩa vụ tại Điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự nói chung, bị đơn còn có một số quyền đặc thù riêng.

### ***2.2.3. Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự***

#### ***2.2.3.1. Vị trí tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự***

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại khoản 4 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, những quy định của pháp luật có liên quan đã thể hiện vị trí tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Qua đó, xác định được điều kiện để trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như xác định tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự.

*2.2.3.2. Quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự*

Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại Điều 61 Bộ luật tố tụng dân sự.

***2.2.4. Vị trí tố tụng và quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong việc dân sự***

*2.2.4.1. Vị trí tố tụng của đương sự trong việc dân sự*

Hiện nay, pháp luật tố tụng dân sự chưa có khái niệm người yêu cầu, người bị yêu cầu, người có liên quan trong việc dân sự, cũng chưa có những quy định cụ thể về điều kiện để trở thành người yêu cầu, người bị yêu cầu, người có liên quan trong việc dân sự. Trên phương diện pháp lý, “danh phận tố tụng” của những chủ thể trong việc dân sự vẫn chưa được quy định rõ ràng và tạo ra những quan điểm khác nhau về đương sự trong việc dân sự. Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự trong việc dân sự chỉ có hai chủ thể là người có yêu cầu và người có liên quan trong việc dân sự.

#### *2.2.4.2. Quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong việc dân sự*

Bộ luật tố tụng dân sự không có quy định riêng về quyền, nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong việc dân sự. Áp dụng Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, có thể hiểu những quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định ở Mục 1 Chương VI Bộ luật tố tụng dân sự sẽ được áp dụng cho các đương sự trong việc dân sự. Nhưng suy cho cùng thì quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc dân sự có giống với quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự hay không là một điều còn bỏ ngõ cần có sự quy định rõ hơn của pháp luật.

### *Chương 3*

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐƯƠNG SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự**

Từ thực tiễn áp dụng hiện nay, bên cạnh những hiệu quả đã đạt được và Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định khá cụ thể, rõ ràng, đầy đủ về nội dung đương sự thì vẫn tồn tại nhiều điểm thiếu sót, bất cập từ thực tiễn áp dụng pháp luật, cụ thể:

***Thứ nhất, về quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong việc khởi kiện xin ly hôn và quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong trường hợp vợ hoặc chồng của họ khởi kiện xin ly hôn.***

Bộ luật tố tụng dân sự vẫn chưa có quy định cụ thể về vấn đề này nên về mặt lý luận cũng như thực tiễn có những quan điểm khác nhau cần có sự quy định, hướng dẫn cụ thể về mặt pháp luật.

***Thứ hai, đối với người có nhược điểm về thể chất (mù, loà, câm, điếc...) hoặc về tinh thần (đần, thộn, ngớ ngẩn...).***

\* Đối với trường hợp người có nhược điểm về thể chất như mù, câm, điếc...

Hiện chưa có một văn bản pháp luật nào quy định Toà án phải cử người đại diện cho người có nhược điểm về thể chất. Người có nhược điểm về thể chất vẫn nhận thức được hành động, vẫn thể hiện rõ được ý chí của mình khi tham gia vụ việc dân sự. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những quan điểm khác nhau khi bắt gặp trường hợp này.

\* Đối với trường hợp người có nhược điểm về tinh thần (hạn chế khả năng nhận thức) như đần, thộn, ngớ ngẩn...

Đương sự có nhược điểm về tinh thần nên ở mức độ nào đó khả năng nhận thức của họ bị hạn chế. Vì thế, nếu trên thực tế phát sinh tình huống đương sự bị đần, thộn hoặc ngớ ngẩn...tham gia tố

tụng thì chính bản thân người đó khó có thể nhận thức đầy đủ những quyền và nghĩa vụ của họ, bên cạnh đó cũng gây những khó khăn cho Toà án trong việc giải quyết vụ việc dân sự.

***Thứ ba, đương sự không thực hiện nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho Toà án***

\* Đương sự không đến Toà án

\* Đương sự vắng mặt tại nơi cư trú

\* Trường hợp một bên đương sự có dấu hiệu tâm thần, Toà quyết định trưng cầu giám định thì người nhà của đương sự bất hợp tác đã gây nhiều khó khăn cho Toà án trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, pháp luật không cho phép Toà án cưỡng chế trưng cầu giám định đối với đương sự có dấu hiệu tâm thần nên vụ việc đành treo, luật bỏ ngõ, Toà lúng túng, quyền lợi chính đáng của các đương sự khác trong vụ việc bị ảnh hưởng.

***Thứ tư, Toà án xác định sai tư cách đương sự***

Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, có thể thấy việc xác định sai tư cách đương sự rơi vào quá trình giải quyết vụ án dân sự nhiều hơn bởi tính chất phức tạp giữa các bên tranh chấp.

**3.2. Một số kiến nghị**

***3.2.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về đương sự trong tố tụng dân sự***

***Thứ nhất, về quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong việc khởi kiện xin ly hôn và quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong trường hợp vợ hoặc chồng của họ khởi kiện xin ly hôn.***

\* Đối với quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong việc khởi kiện xin ly hôn.

Pháp luật tố tụng dân sự cần bổ sung quy định về quyền khởi kiện xin ly hôn của cha, mẹ, con của người mất năng lực hành vi dân sự và quyền yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết ly hôn của tổ chức xã hội (Hội phụ nữ) trong trường hợp người bị mất năng lực hành vi dân sự bị vợ hoặc chồng của mình không chăm sóc, có hành vi ngoại tình, đánh đập, hành hạ người mất năng lực hành vi dân sự

\* Đối với quyền đại diện cho người mất năng lực hành vi dân sự trong trường hợp vợ hoặc chồng của họ khởi kiện xin ly hôn.

Để tháo gỡ trường hợp này, cần sớm có hướng dẫn theo hướng Toà có thể chọn cá nhân (cha, mẹ, con) hoặc tổ chức (Hội phụ nữ) có đủ điều kiện tạm thời đại diện cho một bên vợ hoặc chồng mất năng lực hành vi dân sự tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người này.

Và về lâu dài, Bộ luật tố tụng dân sự cần có sự sửa đổi, bổ sung ở Điều 76 nội dung đó là Toà án chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự cho đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự

mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Thứ hai, đối với người có nhược điểm về thể chất (mù, loà, câm, điếc...) hoặc về tinh thần (đần, thộn, ngớ ngẩn...).***

\* Đối với người có nhược điểm về thể chất (mù, loà, câm, điếc...)

Pháp luật cần có hướng dẫn để thống nhất các quan điểm cũng như hướng giải quyết trên thực tế của Toà án khi bắt gặp trường hợp này. Đối với trường hợp này, nếu đương sự có yêu cầu thì Toà án triệu tập người đại diện hợp pháp của họ (cha, mẹ, con) tham gia tố tụng và việc tham gia tố tụng của người đại diện là không bắt buộc.

\* Đối với người có nhược điểm về tinh thần (đần, thộn, ngớ ngẩn...)

Việc chủ thể này tự mình tham gia tố tụng là rất khó khăn vì khả năng nhận thức của họ bị hạn chế. Nên chăng nếu đương sự là người có nhược điểm về tinh thần mà không thể tham gia tố tụng được, thì phải có người đại diện tham gia tố tụng để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho họ; nếu không có ai đại diện cho người đó, thì Toà án cử một người thân thích của đương sự hoặc một thành viên của tổ chức xã hội làm đại diện để tham gia tố tụng.

***Thứ ba, đương sự không thực hiện nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho Toà án***

Toà án nhân dân tối cao cần sớm có hướng dẫn thống nhất về



những vấn đề liên quan đến đương sự không thực hiện nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho Toà án.

Riêng đối với trường hợp người bị mất năng lực hành vi dân sự (bị bệnh tâm thần...) không chịu đi giám định hoặc người nhà của người mất năng lực hành vi dân sự không chịu hợp tác trong việc đưa người này đi giám định thì cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể để khắc phục vướng mắc này. Nhưng về lâu dài, pháp luật tố tụng dân sự cần có sự sửa đổi, bổ sung theo hướng cho phép Toà án cưỡng chế đối với trường hợp này.

#### ***Thứ tư, về đương sự trong việc dân sự***

Bộ luật tố tụng dân sự cần có những quy định riêng về đương sự trong việc dân sự, tạo sự thống nhất trong cách hiểu về đương sự trong việc dân sự. Cụ thể là quy định về khái niệm về đương sự trong việc dân sự, từ đó quy định cho những chủ thể này những quyền và nghĩa vụ tương ứng của đương sự trong việc dân sự.

#### ***3.2.2. Tăng cường công tác phổ biến và tuyên truyền pháp luật***

#### ***3.2.3. Công tác đào tạo cán bộ***

## KẾT LUẬN

Đương sự trong vụ việc dân sự là một chế định quan trọng của pháp luật tố tụng dân sự, ở đó cụ thể hoá các điều kiện để một chủ thể có đủ tư cách pháp lý tham gia quá trình tố tụng cũng như quy định về quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể tham gia. Đương sự là yếu tố hết sức quan trọng và thiết yếu trong vụ việc dân sự, nếu không có đương sự thì sẽ không tồn tại vụ việc dân sự. Những quy định cụ thể của pháp luật tố tụng dân sự là cơ sở pháp lý cho việc xác định tư cách đương sự khi một vụ việc dân sự phát sinh trên thực tế. Vì vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện hơn nữa nội dung đương sự đảm bảo cho việc giải quyết vụ việc dân sự của Toà án đạt được hiệu quả, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích, cho thấy rằng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã khá bao quát đối với nội dung về đương sự. Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả đạt được thì việc áp dụng pháp luật về đương sự còn có những khó khăn, vướng mắc nhất định. Điều này đòi hỏi cần có sự hoàn thiện hơn nữa về pháp luật tố tụng dân sự, cũng như những hướng dẫn thi hành pháp luật tố tụng dân sự mà cụ thể là những quy định, hướng dẫn liên quan đến nội dung đương sự nhằm khắc phục những vướng mắc, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.